

Bản án số: 390/2024/DS-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Ký.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vân.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 08/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 586/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 763/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Trọng A, sinh năm: 1991 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp LAHoà, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ALUDOOR A - vắng mặt.

Trụ sở: 153/2 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Lương Thế TATâm.

Địa chỉ: 3ATân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Trọng Nghĩa trình bày:*

Ngày 23/8/2023, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng kinh tế thi công hệ thống nhôm kính đối với công trình nhà ở tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn là chủ thầu. Giá trị hợp đồng tạm tính là 154.500.000 đồng. Thỏa thuận thanh toán như sau: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt. Đợt 1 nguyên đơn sẽ tạm ứng 30% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng ký kết, tương đương số tiền 46.350.000 đồng. Đợt 2 thanh toán 40% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 61.800.000 đồng, sau khi bị đơn đưa khối lượng vật tư thi công theo bảng báo giá đến công trình để thi công. Đợt 3 thanh toán 30% sau khi hoàn thành công trình trong 03 ngày làm việc.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán số tiền 46.350.000 đồng ngay ngày 23/8/2023. Tuy nhiên, từ khi thanh toán cho đến nay, bị đơn không thực hiện công việc như thỏa thuận trong hợp đồng.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng kinh tế ký ngày 23/8/2023; buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 46.350.000 đồng và phạt vi phạm 12% giá trị hợp đồng là 18.540.000 đồng.

*Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ALUDOOR Thành Phát đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.*

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định; bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo hợp đồng thi công đã ký kết giữa các bên. Hợp đồng thỏa thuận việc thi công được thực hiện tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng thi công” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 30/5/2024 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Nguyên đơn là cá nhân, bị đơn là pháp nhân có đăng ký kinh doanh. Các đương sự giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng đã ký giữa các bên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

[4.2] Căn cứ theo Khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng thì nguyên đơn sẽ tạm ứng cho bị đơn 30% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền là 46.350.000 đồng, ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán số tiền đúng như thỏa thuận nêu trên vào tài khoản chỉ định của bị đơn được ghi trong hợp đồng thi công ngày 23/8/2023.

Tại Khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng quy định: *“Thời gian giao hàng đến công trình là 07 ngày tính từ ngày ký hợp đồng và bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1”*.

Kể từ khi nhận được tiền tạm ứng đợt 1, bị đơn đã không thực hiện công việc như thỏa thuận trong hợp đồng dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm Hợp đồng nêu trên. Nay nguyên đơn có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng nêu trên và buộc bị đơn phải trả lại số tiền đã nhận.

Tại Điều 423 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hủy bỏ hợp đồng như sau:

*“1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:*

*...b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng...*

*2. Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng...”*

Xét thấy bị đơn đã không thực hiện đúng các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy bỏ hợp đồng của nguyên đơn và bị đơn phải hoàn trả lại số tiền 46.350.000 đồng đã nhận của nguyên đơn.

[4.3] Tại Khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng có quy định: *“Trường hợp bên B thi công chậm so với tiến độ đã được thỏa thuận với bên A quá 7 ngày, kể từ ngày*

*thứ 7, bên B phải chịu phạt số tiền 1%/ngày trên tổng giá trị hợp đồng đó. Mức phạt không quá 12%”.*

Tại Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng như sau:

*“1. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp”.*

Tại Điều 418 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thỏa thuận phạt vi phạm như sau:

*“1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.*

*2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác...”.*

Xét, sự thỏa thuận phạt vi phạm không quá 12% giá trị của hợp đồng giữa các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn đã không thực hiện đúng thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu phạt 12% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 18.540.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 46.350.000 đồng + 18.540.000 đồng = 64.890.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, 157, 165, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 418, 423, 427 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trọng Nghĩa

1.1. Hủy bỏ Hợp đồng kinh tế về việc thi công hệ thống nhôm kính lập ngày 23/8/2023 giữa ông Trần Trọng Nghĩa và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ALUDOOR Thành Phát.

1.2. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ALUDOOR Thành Phát phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho nguyên đơn, số tiền là 64.890.000 (sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 3.244.500 (ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm) đồng, bị đơn chịu.

2.2. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.622.250 (một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi) đồng, theo Biên lai thu số 0021904 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### *Nơi nhận:*

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Ký**